TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-ST
Ngày: 19 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch
2. Ông Nguyễn Công Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ T Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1958; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp B, xã T, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Trương Hoàng S**, sinh năm 1970; vắng mặt.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1974; vắng mặt.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà có tham gia nhiều dây hụi do bà O làm thảo hụi từ cuối năm 2016 đến năm 2018, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/01/2017 (AL), tức ngày 06/02/2017 (DL), gồm 20 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng hụi sống đến hết

kỳ thứ 15, đến kỳ thứ 16 thì kêu hụi 1.500.000 đồng, hốt được số tiền 32.000.000 đồng (sau khi trừ tiền cò 1.000.000 đồng) còn lại 31.000.000 đồng, do bà có tham gia 04 phần hụi sống của dây hụi 1.000.000 đồng khác nên chị O trừ lại 1.160.000 đồng (do bà không phải đóng hụi sống của dây hụi 1.000.000 đồng của 04 phần), trừ đi số tiền mà bà phải đóng trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng này là 500.000 đồng thì bà O phải giao cho bà số tiền 29.340.000 đồng, nhưng bà O chỉ giao cho bà 10.000.000 đồng, còn nợ lại trong dây hụi này là 19.340.000 đồng.

Cũng trong dây hụi này, phần thứ hai thì bà hốt ở kỳ thứ 17, bỏ hụi 1.400.000 đồng, hốt được số tiền 33.800.000 đồng (sau khi trừ tiền cò 1.000.000 đồng) còn lại 32.800.000 đồng, trừ đi số tiền 2.000.000 đồng (mà bà đã hốt ở kỳ thứ 16) trong dây hụi 2.000.000 đồng còn lại và trừ đi 800.000 đồng (04 phần hụi 1.000.000 đồng còn sống), tổng cộng bà phải đóng lại là 2.800.000 đồng, vậy sau khi trừ đi số tiền hụi bà phải đóng cho bà O tháng này thì bà O còn nợ lại 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà O còn nợ lại bà là 19.340.000 đồng + 30.000.000 đồng = 49.340.000 đồng, bà O có viết giấy hẹn cho bà từ ngày 04/5/2018 đến ngày 4/6/2018 sẽ hoàn trả cho bà số tiền này, nhưng đến nay vẫn không trả.

Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05/6/2017 (AL) nhằm ngày 28/6/2017 (DL), bà đóng hụi được 12 kỳ thì bà O bị vỡ hụi, số tiền tổng cộng bà đã đóng không nhớ là bao nhiêu, bà O có ghi cho bà số tiền nợ của 04 phần hụi này là 48.000.000 đồng.

Tất cả các dây hụi trên bà O không cung cấp danh sách hụi viên, nên bà không biết những ai tham gia chung hụi với bà. Mỗi khi bà O tổ chức khui hụi thỉnh thoảng bà có đi tham gia bỏ hụi.

Hụi đến nay đã mãn hụi, do bà hốt hụi ở kỳ thứ 17 rồi thì bà phải đóng lại cho bà O 03 kỳ hụi chết mỗi kỳ là 2.000.000 đồng x 02 phần = 4.000.000 đồng x 03 tháng = 12.000.000 đồng.

Trước đây, bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 97.340.000 đồng, nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà O, ông S trả số tiền 85.340.000 đồng. Bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn ông Trương Hoàng S và bà Nguyễn Thị Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S, bà O là có căn cứ.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019 về hụi; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O. Buộc ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 85.340.000 đồng.

Ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 25/12/2018 tại ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và ngày 26/3/2019, tại Công an xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Ông Trương Hoàng S, bà Trần Thị Kim O không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng ông S, bà O có sinh sống, xây nhà, có đất tại tổ 4, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh từ năm 2017 đến năm 2019. Hiện tại, ông S, bà O đã bỏ nhà, đất đi sống nơi khác, không rõ nơi nào. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (bà Nguyễn Thị T) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của người bị kiện (ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O) nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Trong vụ án này người bị kiện (ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng góp hụi mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật, xác định nơi cư trú cuối cùng của ông S, bà O là tại tổ 4, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lầnthứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S, bà O.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T có tham gia 02 dây hụi do bà O làm thảo hụi vào ngày 06/02/2017 và ngày 28/6/2017. Trong mỗi dây hụi, bà T tham gia nhiều phần, sau khi hốt hụi, đóng tiền hụi chết cho bà O thì bà O còn nợ lại bà T số tiền 85.340.000 đồng. Sau đó, bà O, ông S bỏ địa phương đi không rõ đi đâu. Khi chốt lại số tiền nợ hụi bà O có viết và ký tên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T có tham gia các dây hụi do bà O làm thảo hụi, việc tham gia hụi này bà O không lập thành danh sách hụi viên giao cho các hụi viên. Nhưng sau khi bà T đăng hụi để hốt hụi, bà O không giao đủ tiền cho bà T và có ghi giấy nợ hụi giao cho bà T và có hứa hẹn sẽ trả cho bà T. Căn cứ vào các giấy ghi tiền hụi mà bà T cung cấp cho Tòa án đủ cơ sở xác định bà O còn nợ tiền hụi của bà T. Đối với bà O, ông S đã bỏ địa phương đi, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm rõ số tiền nợ hụi. Số tiền hụi này phát sinh trong thời kỳ ông S, bà O là vợ chồng và đang sống chung với nhau. Bà T cho rằng, ông S có tham gia vào quá trình gom hụi cho bà O, ông S biết rõ việc bà O có làm thảo hụi. Do đó, yêu cầu của bà T yêu cầu bà O, ông S cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 85.340.000 đồng cho bà là có căn cứ chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T tự nguyện rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nơ hụi 12.000.000 đồng, việc rút yêu cầu này của bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của này của bà T.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông S, bà O phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

1.1/ Buộc ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi là 85.340.000 (tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O về số tiền hụi là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

2/ Về án phí:

Ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 4.267.000 (bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Trương Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim O có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan